

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY AN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/DS-ST

Ngày: 15/11/2021.

V/v: “ *Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN – TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Mạnh Tiến.

2. Ông Võ Kỳ Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2021/TLST - DS ngày 01 tháng 9 năm 2021, về việc: “ *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2021 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án dân sự số: 14/2021/TB-TA ngày 01/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tuy An, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Có mặt.

2. Bị đơn: Vợ chồng anh Phan Minh T, sinh năm 1974, chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Anh T ủy quyền cho chị D, (theo văn bản ủy quyền ngày 14/10/2021).

Chị D có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2021 và lời trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị S tại phiên tòa: Ngày 11/02 năm Bính thân (tức là năm 2013) tôi có cho vợ chồng anh T, chị D vay 64.000.000 đồng và 05 chỉ vàng y loại 9999 (có lập giấy vay tiền kèm theo), mục đích cho vay là để vợ chồng chị D mua ốc, vợ chồng chị D có hứa trả nợ cho tôi số tiền và vàng trên vào năm 2017. Tuy nhiên từ khi cho vay đến nay, vợ chồng chị D, anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay tôi yêu cầu vợ chồng chị D, anh T phải có nghĩa vụ trả nợ cho tôi 64.000.000 đồng và 03 (Ba) chỉ vàng y mà thôi, tôi không yêu cầu tính lãi.

***Bị đơn vợ chồng anh T, chị D trình bày:**

Chị D trình bày: Tôi thừa nhận vào năm 2013 vợ chồng tôi có vay của chị S 64.000.000 đồng và 10 chỉ vàng y loại 9999. Tuy nhiên trước đây tôi không nhớ năm nào có trả dần cho chị S 07 chỉ vàng y loại 9999, còn lại 64.000.000 đồng tiền gốc và 03 chỉ vàng y loại 9999 đến nay chưa trả. Do điều kiện làm ăn khó khăn không có khả năng trả nợ một lần, vợ chồng tôi cam kết cứ mỗi năm trả dần cho chị S 20.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền và vàng nêu trên (thời gian thực hiện kể từ tháng 01/2022).

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đều thực hiện đúng quy định pháp luật; nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định pháp luật. Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ đủ cơ sở để đưa vụ án ra xem xét giải quyết. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn 03 chỉ vàng y loại 9999 và 64.000.000 đồng chẵn, tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị S khởi kiện vợ chồng anh Phan Minh T, chị Nguyễn Thị D cư trú tại: Thôn B, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên “ Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản ”. Đây là tranh chấp dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Năm 2013 chị Nguyễn Thị S có cho vợ chồng anh T, chị D vay 64.000.000 đồng và 05 chỉ vàng y loại 9999 (có giấy mượn tiền kèm theo). Tại phiên tòa, nguyên đơn chị D chỉ yêu cầu vợ chồng chị S, anh T trả 64.000.000 đồng tiền gốc và 03 chỉ vàng y loại 9999, không yêu cầu tính lãi; Bị đơn chị D thừa nhận năm 2013 vợ chồng chị có mượn của chị S 64.000.000 đồng

và 10 chỉ vàng y loại 9999, tuy nhiên trước đây (tôi không nhớ năm nào) vợ chồng có trả dần cho chị S 07 chỉ vàng y loại 9999, còn lại 03 chỉ vàng y loại 9999 và 64.000.000 đồng đến nay chưa trả. Hiện nay do điều kiện khó khăn tôi cam kết trả dần cho chị S cứ mỗi năm trả 20.000.000 đồng, cho cho đến khi trả hết số tiền và vàng còn lại nêu trên (thời gian trả nợ kể từ năm 2022), tuy nhiên nguyên đơn chị S không đồng ý.

[3]. HĐXX xét thấy: Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 11/02 năm Bính thân (tức năm 2013) do nguyên đơn cung cấp và sự thừa nhận nợ của các bên đương sự tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa nên được xem đây là chứng cứ của vụ án theo quy định tại điều 93 bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả 64.000.000 đồng tiền gốc và 03 chỉ vàng y loại 9999 là có căn cứ. Xét thấy quá trình thực hiện hợp đồng vay, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn 03 chỉ vàng y loại 9999 và 64.000.000 đồng tiền gốc, tại phiên nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí DS-ST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều 463, 465 và Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn vợ chồng anh Phan Minh T, chị Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị S 03 (Ba) chỉ vàng y loại 9999 và 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng) tiền gốc.

(Giá vàng tại thời điểm xét xử là 5.370.000 đồng/ chỉ).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn phải chịu 4.005.500 đồng án phí DSST.

Hoàn lại cho nguyên đơn 2.300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp trước tại biên lai thu tiền số: 04685 ngày 01/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn Bình